# BÀI 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000

**Phần I. Trắc nghiệm**

**Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng**

a) Số 40125 đọc là:

A. Bốn mươi nghìn một trăm hai năm

B. Bốn mươi nghìn một trăm hai mươi lăm

C. Bốn mươi nghìn, hai trăm và 5 đơn vị

D. Bốn trăm nghìn và hai mươi lăm đơn vị

**b) Số 81 097 có số hàng nghìn là số mấy ?**

A. 8 C. 7

B. 9 D. 1

**c) Số 9874 được viết thành tổng là:**

A. 9000 + 800 + 70 + 4 C. 9000 + 80 + 70 + 4

B. 900 + 8000 + 70 + 4 D. 900 + 80 + 70

**d) Số lớn nhất trong các số 31 097, 15 901, 23 456, 48 000 là :**

A. 15 901 C. 23 456

B. 48 000 D. 31 097

**e) Nam đọc sách thấy một vệ tinh bay ở độ cao cách mặt đất 45 356. Cô giáo đố Nam khi làm tròn số chỉ độ cao đó đến hàng chục nghìn ta được số nào ?**

A. 44 000 B. 46 356 C. 50 000 D. 46 000

**Bài 2: Nối biểu thức với giá trị của biểu thức đó:**

**4 000 + 300 + 60 + 8**

**60 000 + 200 + 4**

**8 000 + 800 + 80 + 8**

**10 000 + 1000 + 200**

LIVEWORKSHEETS

**Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S**

a. Sỗ "Bốn trăm mười hai" viết là 4012 ☐

b. Số gồm 3 chục nghìn, 8 trăm, 3 chục và 6 đơn vị là 3 836 ☐

c. Số liền trước số bé nhất có năm chữ số là 9999 ☐

d. Số liền sau số lẻ bé nhất có năm chữ số là 10 001 ☐

**Phần II: Tự luận**

**Bài 1: Viết ( theo mẫu )**

| Viết số | Chục nghìn | Nghìn | Trăm | Chục | Đơn vị | Đọc số |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **57 214** | **5** | **7** | **2** | **1** | **4** | **Năm mươi bảy nghìn hai trăm mười bốn** |
| | **6** | **0** | **6** | **0** | **5** | |
| | | | | | | **Tám mươi tư nghìn không trăm hai mươi tám** |
| **15 004** | | | | | | |

**Bài 2: Viết vào chỗ trống để hoàn thiện bảng sau:**

| Số liền trước | Số đã cho | Số liền sau |
|---|---|---|
| 5 068 | 5 069 | 5 070 |
| | 12 675 | |
| 20 001 | | |
| | | 30 000 |
| | 9 999 | |
| 42 176 | | |

z

LIVEWORKSHEETS

**Bài 3: Điền dấu >, <, = vào ô trống thích hợp:**

3 428 .....3 482

60 305 ..... 60 035

99 998 ..... 99 999

36 729 ….. 36 000 + 700 + 29

5000 + 600 + 80 + 8 …. 5 688

40 168 …. 4000 + 100 + 60 + 8

**Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ trống**

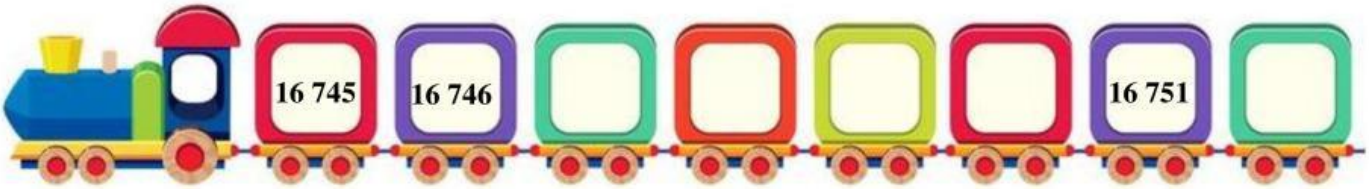

**Bài 5**: Cho các số sau: 76 562; 86 001; 78 082; 76 658; 68 456

a. Tìm số bé nhất trong các số đó: .....
b. Tìm số lớn nhất trong các số đó: .....
c. Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn

.....

**Bài 7: Số?**

Với sáu chứ số 0, 2, 4, 6, 8, 9 lập được:

Số lớn nhất có sáu chữ số khác nhau là: .....

Số bé nhất có sáu chữ số khác nhau là: .....

LIVEWORKSHEETS

**Bài 8*:**

a. Viết tất cả các số có bốn chữ số mà tổng bốn chữ số bằng 3.

.....

.....

b. Xếp các số vừa viết theo thứ tự từ bé đến lớn.

.....

**Bài 9*:** Tìm một số có 4 chữ số, biết chữ số hàng trăm gấp đôi chữ số hàng nghìn, chứ số hàng chục gấp đôi chữ số hàng trăm, chữ số hàng đơn vị lớn hơn chữ số hàng chục là 3?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

LIVEWORKSHEETS